TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2021/DS-PT
Ngày: 25/11/2021
T/c hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đảo

Ông Nguyễn Như Tám

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2021/QĐXX-PT ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N (M), sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn:

1. Bà Dương Thị Tuyết T, sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1954. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do quen biết và ở gần nhà nên bà có cho bà Dương Thị Tuyết T mượn tiền để giải quyết công việc gia đình. Việc mượn tiền nhiều lần và mỗi lần giao nhận tiền hai bên đều có ký biên nhận nợ với nhau. Các khoản nợ cụ thể như sau:

- Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 23/3/2017 (âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 14/9/2017 (âm lịch) số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 23/3/2018 (âm lịch) số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 15/5/2018 (âm lịch) số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 15/7/2018 (âm lịch) số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 16/8/2018 (âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 21/9/2018 (âm lịch) số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 01/10/2018 (âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 22/11/2018 (âm lịch) số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 16/01/2019 (âm lịch) số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng là 550.000.000 đồng.

Vợ chồng bà T đóng lãi cho bà đầy đủ theo thỏa thuận là 5%/tháng nhưng từ thời điểm vay số tiền 30.000.000 đồng ngày 16/01/2019 thì bà T không đóng lãi cho bà N. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T giao trả số tiền gốc nói trên nhưng vợ chồng bà T hẹn hết lần này đến lần khác kéo dài cho đến nay vẫn không chịu trả lại cho bà.

Nay bà yêu cầu buộc bà T và ông T1 liên đới trả cho bà số tiền mượn nợ là 550.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu vợ chồng bà T trả 400.000.000 đồng.

Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà N tổng cộng 550.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, cụ thể các khoản vay như sau:

- Ngày 29/3/2017 âm lịch: Vay 30.000.000 đồng.
- Ngày 23/8/2017 âm lịch: Vay 30.000.000 đồng.
- Ngày 14/9/2017 âm lịch: Vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 23/3/2018 âm lịch: Vay 20.000.000 đồng.
- Ngày 15/5/2018 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 25/7/2018 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 16/8/2018 âm lịch: Vay 100.000.000 đồng.
- Ngày 21/9/2018 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 01/10/2018 âm lịch: Vay 100.000.000 đồng.
- Ngày 22/11/2018 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 16/01/2019 âm lịch: Vay 50.000.000 đồng.

Sau khi mượn bà vẫn đóng lãi đủ hàng tháng, đến tháng 9/2019 bà không còn khả năng đóng lãi cho đến nay. Tổng số tiền lãi bà đóng cho bà N bao nhiêu thì bà cũng không biết.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà đồng ý trả cho bà N số tiền gốc 400.000.000 đồng nhưng bà đang khó khăn xin được trả hàng tháng. Bà không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng.

Bị đơn ông Lê Thanh T1 trình bày:

Ông là chồng bà T, có đăng ký kết hôn năm 1986. Ông hoàn toàn không biết và không thấy đồng tiền nào của bà T đem về cho gia đình. Ông không có mượn và không biết đến số tiền mượn nào nên ông không đồng ý trả nợ, còn bà T trả hay không là việc của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

[**1**]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

[**2**]. Buộc bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà N về việc buộc bà T và ông T1 trả nợ gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/4/2021 bị đơn bà Dương Thị Tuyết T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chồng bà là ông Lê Thanh T1 phải liên đới trả nợ cùng bà và xem xét lại lãi suất mà bà đã đóng.

Cùng ngày 19/4/2021 bị đơn ông Lê Thanh T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông phải liên đới trả nợ với bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh T1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 296

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông T1 theo quy định.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn bà N và bị đơn bà T thống nhất trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 bà T có vay tiền của bà nhiều lần với tổng số tiền là 550.000.000 đồng, lãi suất vay từ 5%. Về thời gian đóng lãi thì hai bên không thống nhất, bà N cho rằng bà T đóng lãi đầy đủ từ khi vay đến tháng 2/2019 thì ngưng đóng lãi, còn bà T thì cho rằng bà đóng lãi đầy đủ từ khi vay đến tháng 9/2019 thì ngưng đóng lãi. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán cho bà số tiền nợ là 550.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T ông T1 trả cho bà 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Tuyết T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm xem xét lại lãi suất mà bà đã đóng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mặc dù các đương sự không xác định được phần lãi đã đóng là bao nhiêu nhưng bà N thừa nhận bà T đã thực hiện việc trả lãi đầy đủ với lãi suất 5%/tháng kể từ khi vay đến tháng 2/2019 thì không đóng lãi. Ngoài ra bà N còn giảm cho bà T 150.000.000 đồng tiền gốc. Xét về số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn 5%/tháng là cao hơn so với quy đinh của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu số tiền lãi của bị đơn đã đóng cho nguyên đơn mà được nguyên đơn thừa nhận là thấp hơn so với số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, xét thấy việc không tính lãi lại cho bị đơn là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Đối với kháng cáo của bà T và kháng cáo của ông T1 cùng nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông T1 phải liên đới trả nợ với bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T xác định mục đích bà vay tiền của bà N là để đóng tiền lãi của những khoản vay khác, việc vay tiền ông T1 không biết, đến khi bể nợ các chủ nợ đến nhà thì ông T1 mới biết, ông T1 cũng cho rằng việc bà T vay tiền ông không biết nên không đồng ý trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà T. Tuy nhiên bà T và ông T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền bà T vay của nguyên đơn không được sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, đồng thời bà T và ông T1 là vợ chồng nên theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T1 phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch do bà T thực hiện trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, ông T1 về việc không buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông T1.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố A.

[5]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí nên được nhận lại 13.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007447 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang.

Bà Dương Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng. Vậy bà T phải nộp án phí là 10.000.000 đồng.

Ông Lê Thanh T1 được miễn án phí do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của cơ quan thi hành án thành phố A. Ông Lê Thanh T1 được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

- Giữ nguyên bản án số 11/2021/DS-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1.

2. Buộc bà Dương Thị Tuyết T và ông Lê Thanh T1 cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của bà N về việc buộc bà T và ông T1 trả nợ gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí nên được nhận lại 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007447 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (nay là thành phố A), tỉnh Kiên Giang.

Bà Dương Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông Lê Thanh T1 được miễn án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000290 ngày 10/5/2021 của cơ quan thi hành án thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Thanh T1 được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. A;
- THA dân sự TP. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiên